

Bản án số: 15/2019/DS-ST

Ngày: 23/8/2019

*V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản
giữa anh P và anh L*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu;

2. Ông Trần Anh Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh

B;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên;

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2019/TLST- DS ngày 22 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 73/2019/QĐST-DS ngày 24/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn P, sinh năm 1985. (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh B

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965. (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Hòa An, xã H, huyện T, tỉnh B;

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Ôn Thị Thúy T, sinh năm 1991. (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh B. Do anh Đỗ Văn P đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền lập ngày 18/7/2019, anh P có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 3 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Đỗ Văn P trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với anh Nguyễn Văn L, nên năm 2016 anh L có đến hỏi mua cá mả trả chậm để chăn nuôi cá, gà, lợn, anh đồng ý và anh với anh

L thỏa thuận giá bán cám, lãi suất là 3.000 đồng/ 01 bao cám/01 tháng, thời hạn trả là khi nào anh L thu hoạch cá. Sau khi thỏa thuận với nhau thì anh L đã mua cám các lần cụ thể như sau:

Ngày 02/9/2016 anh L mua 05 bao cám loại 835 với giá 315.000 đồng/01 bao thành tiền là 1.575.000 đồng;

Ngày 08/9/2016 anh L mua 05 bao cám loại cá hương với giá 190.000 đồng/01 bao thành tiền là 950.000 đồng;

Ngày 14/9/2016 anh L mua 01 bao cám loại G22 với giá 250.000 đồng/01 bao thành tiền là 250.000 đồng;

Ngày 25/9/2016 anh L mua 05 bao cám loại 835 với giá 315.000 đồng/01 bao và 01 bao cám loại G22 giá 250.000 đồng/01 bao thành tiền là 1.825.000 đồng;

Ngày 29/9/2016 anh L mua 10 bao cám loại 834 với giá 330.000 đồng/01 bao thành tiền là 3.300.000 đồng;

Ngày 14/11/2016 anh L mua 05 bao cám loại 835 với giá 315.000 đồng/01 bao thành tiền là 1.575.000 đồng;

Ngày 21/12/2016 anh L mua 05 bao cám loại 835 với giá 315.000 đồng/01 bao thành tiền là 1.575.000 đồng;

Ngày 26/12/2016 anh L mua 02 bao cám mạch 120 kg với giá 720.000 đồng/100 kg thành tiền là 864.000 đồng;

Ngày 29/01/2017 anh L mua 02 bao cám loại 835 với giá 315.000 đồng/01 bao thành tiền là 630.000 đồng;

Ngày 04/02/2017 anh L mua 03 bao cám loại 835 với giá 315.000 đồng/01 bao thành tiền là 945.000 đồng;

Ngày 25/02/2017 anh L mua 05 bao cám loại 835 với giá 315.000 đồng/01 bao thành tiền là 1.575.000 đồng;

Ngày 14/3/2017 anh L mua 05 bao cám loại 835 với giá 315.000 đồng/01 bao thành tiền là 1.575.000 đồng;

Ngày 03/4/2017 anh L mua 05 bao cám loại 835 với giá 315.000 đồng/01 bao thành tiền là 1.575.000 đồng;

Ngày 08/5/2017 anh L mua 05 bao cám loại 835 với giá 315.000 đồng/01 bao thành tiền là 1.575.000 đồng;

Tất cả các lần mua cám trên anh L chưa trả tiền và có ký nhận nợ vào sổ bán hàng của gia đình anh. Sau khi anh Lang thu hoạch cá (tháng 6/2017). thì anh đã nhiều lần yêu cầu anh L trả tiền nhưng anh L không trả.

Nay anh yêu cầu anh L phải trả cho vợ chồng anh số tiền mua cám là 19.789.000 đồng và tiền lãi tính đến 08/3/2019 là 4.790.000 đồng và yêu cầu anh L tiếp tục phải trả lãi cho đến khi trả xong.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Đỗ Văn P có mặt và có ý kiến, anh xin rút yêu cầu trả tiền đối với những lần anh L mua cám mà không trực tiếp ký vào sổ của

anh, nay anh chỉ yêu cầu anh L phải trả số tiền mà anh L mua cá và ký nhận nợ với số tiền là 14.425.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của chị Ôn Thị Thùy T, anh P vẫn giữ nguyên ý kiến trên.

Anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và đã tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh L không đến Tòa án làm việc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn L vắng mặt.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn P buộc anh L phải trả số tiền gốc là 14.425.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Qua xác minh tại chính quyền địa P thì hiện Bị đơn là anh Nguyễn Văn L có hộ khẩu thường trú tại thôn Hòa An, xã H, huyện T, tỉnh B, anh L không xin xác nhận nơi cư trú mới và hiện vắng mặt tại địa P mà không rõ thời điểm trở về. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành tổng đạt trực tiếp cho bị đơn được. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho anh L theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh L không đến Tòa án làm việc.

Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện anh L là người trực tiếp giao dịch mua bán cá với vợ chồng anh P và đơn khởi kiện anh P chỉ yêu cầu cá nhận anh L trả tiền. Do đó Tòa án không đưa vợ anh L là chị Ngô Thị Huệ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2]. Về số tiền nợ: Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Ngày 02/9/2016 anh L mua 05 bao cá loại 835 với giá 315.000 đồng/01 bao thành tiền là 1.575.000 đồng của vợ chồng anh P và anh L có trực tiếp ký nhận nợ. Ngày 08/9/2016 anh L mua 05 bao cá loại cá hương với giá 190.000 đồng/01 bao thành tiền là 950.000 đồng của vợ chồng anh P nhưng anh L không ký nhận nợ. Ngày 14/9/2016 anh L mua 01 bao cá loại G22 với giá 250.000 đồng/01 bao thành tiền là 250.000 đồng của vợ chồng anh P nhưng anh L không ký nhận nợ.

Ngày 25/9/2016 anh L mua 05 bao cám loại 835 với giá 315.000 đồng/01 bao và 01 bao cám loại G22 giá 250.000 đồng/01 bao thành tiền là 1.825.000 đồng của vợ chồng anh P và anh L có trực tiếp ký nhận nợ. Ngày 29/9/2016 anh L mua 10 bao cám loại 834 với giá 330.000 đồng/01 bao thành tiền là 3.300.000 đồng của vợ chồng anh P nhưng anh L không ký nhận nợ. Ngày 14/11/2016 anh L mua 05 bao cám loại 835 với giá 315.000 đồng/01 bao thành tiền là 1.575.000 đồng. Ngày 21/12/2016 anh L mua 05 bao cám loại 835 với giá 315.000 đồng/01 bao thành tiền là 1.575.000 đồng của vợ chồng anh P và anh L có trực tiếp ký nhận nợ. Ngày 26/12/2016 anh L mua 02 bao cám mạch 120 kg với giá 720.000 đồng/100 kg thành tiền là 864.000 đồng của vợ chồng anh P nhưng anh L không ký nhận nợ. Ngày 29/01/2017 anh L mua 02 bao cám loại 835 với giá 315.000 đồng/01 bao thành tiền là 630.000 đồng của vợ chồng anh P và anh L có trực tiếp ký nhận nợ. Ngày 04/02/2017 anh L mua 03 bao cám loại 835 với giá 315.000 đồng/01 bao thành tiền là 945.000 đồng của vợ chồng anh P và anh L có trực tiếp ký nhận nợ. Ngày 25/02/2017 anh L mua 05 bao cám loại 835 với giá 315.000 đồng/01 bao thành tiền là 1.575.000 đồng của vợ chồng anh P và anh L có trực tiếp ký nhận nợ. Ngày 14/3/2017 anh L mua 05 bao cám loại 835 với giá 315.000 đồng/01 bao thành tiền là 1.575.000 đồng của vợ chồng anh P và anh L có trực tiếp ký nhận nợ. Ngày 03/4/2017 anh L mua 05 bao cám loại 835 với giá 315.000 đồng/01 bao thành tiền là 1.575.000 đồng của vợ chồng anh P và anh L có trực tiếp ký nhận nợ. Ngày 08/5/2017 anh L mua 05 bao cám loại 835 với giá 315.000 đồng/01 bao thành tiền là 1.575.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay anh P đã rút yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các lần anh L mua cám của anh P nhưng không ký nhận nợ, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với số tiền anh P yêu cầu anh L Trả là 14.425.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy, số tiền trên là do anh L mua cám của anh P và có trực tiếp ký nhận nợ, do đó yêu cầu của anh P có căn cứ chấp nhận.

Về thời hạn trả tiền theo trình bày của anh P thì khi mua bán cám các bên có thỏa thuận là khi nào anh L thu hoạch cá thì trả tiền, mà thời điểm anh L thu hoạch cá vào tháng 6/2017, anh P không xác định được ngày cụ thể trong tháng, nên thời hạn trả tiền được xác định là ngày đầu tiên của tháng kế tiếp (ngày 01/7/2017). Đến hạn trả tiền anh P đã nhiều lần yêu cầu anh Lang trả nhưng anh L không trả do đó anh P khởi kiện yêu cầu anh L trả tiền là phù hợp với quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự.

Về lãi suất: Anh P đề nghị tính lãi theo quy định của pháp luật, theo quy định tại Điều 357, 440 Bộ luật dân sự thì lãi suất được tính cụ thể như sau:

$14.425.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ năm} \times 01 \text{ tháng} \times 22 \text{ ngày} \times 10\% / \text{năm} = 3.080.000 \text{ đồng}$

[3]. Về án phí sơ thẩm: anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn P

Buộc anh Nguyễn Văn L phải thanh toán trả cho vợ chồng anh Đỗ Văn P, chị Ôn Thị Thúy T số tiền mua cám là 14.425.000 (mười bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng và tiền lãi đến ngày xét xử 23/8/2019 là 3.080.000 (ba triệu không trăm tám mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả được hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi trả xong

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn L phải chịu 875.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Đỗ Văn P số tiền 615.000 đồng (Sáu trăm mười lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp theo biên lai số AA/2017/0002414 ngày 22/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết công khai bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS T;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Tư Duy